TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/ HNGĐ – ST
Ngày 26/7/ 2019.
V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng.

2. Bà Nguyễn Lan Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc: " *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 10- 6-2019 và thông báo mở lại phiên tòa số:19/2019 ngày 10-7-2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Xuân N - sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị T - sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-5-2019; bản tự khai;các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn anh Lê Xuân N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Phạm Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 13-3-2014 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp dẫn đến thường xuyên xảy ra xô sát, tháng 2/2019 chị T bỏ đi làm ăn ít về nhà. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị T và đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Tôi và chị T có 01 con chung là cháu Lê Khánh H sinh ngày 14-9-2013. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H. Không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung : Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị T trình bày: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như anh N đã trình bày. Trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nay anh N làm đơn xin ly hôn tôi không nhất trí vì bản thân tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Tôi và anh Lê Xuân N có 01 con chung là cháu Lê Khánh H sinh ngày 14-9-2013. Nếu phải ly hôn, tôi đồng ý để anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung : Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Xuân N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giải quyết về: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" giữa anh và chị Phạm Thị T trú tại: Thôn H, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Nguyên đơn anh N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Phạm Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân N và chị Phạm Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 13-3-2014 tại UBND xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra xô sát. Anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn, chị T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiệt tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh N, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N.

[3]. Về con chung: Anh Lê Xuân N và chị Phạm Thị T có 01 con chung là cháu Lê Khánh H sinh ngày 14-9-2013. Anh N có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng, chị T cũng nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy: nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H của anh N là tự nguyện và phù hợp nên được chấp nhận. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Anh N và chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các vấn đề khác.

- Về án phí: Anh Lê Xuân N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân N được ly hôn chị Phạm Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Khánh H sinh ngày 14-9-2013 cho anh Lê Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí*:* Anh Lê Xuân N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004888 ngày 14-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh N đã nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Xuân N và chị Phạm Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Trường hợp Bản án; Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
-UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hòa